

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HS-PT
Ngày: 27 - 3 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Huỳnh Đức Đương

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 88/2024/HSPT, ngày 06 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo Thạch Thị A, Kiên Đ, do có kháng cáo của các bị cáo Thạch Thị A, Kiên Đ và bị hại ông Nguyễn Văn H đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2024/HSST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Thạch Thị A, sinh ngày 01/01/1974 tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thạch S, sinh năm: 1950 và bà Thạch Thị Tha K, sinh năm: 1973; Chồng Kiên Đương và 02 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo Thạch Thị A bị bắt tạm giam từ ngày 23/12/2023 cho đến nay. (có mặt)

2. Kiên Đương, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1969 tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12 (khmer -); Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Kiên Q (đã chết) và bà Thạch Thị T (đã chết); vợ Thạch Thị A và 01 người; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/5/2024 đến nay. (có mặt).

- Bị hại có kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Thạch A1, sinh năm 1947 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)
2. Bà Nguyễn Thị Ổ, sinh năm 1961 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh

- *Người làm chứng:*

1. Ông Thạch S, sinh năm 1950. (vắng mặt)
2. Bà Thạch Thị Tha K, sinh năm 1952. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh

- *Người phiên dịch:* Ông Thạch H1 – Công tác tại Trung tâm Bảo tàng tỉnh T. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2022, ông Thạch A1 gặp bị cáo Thạch Thị A, ông A1 được bị cáo A cho biết đang nợ tiền (Ông A1 và bị cáo A không có mối quan hệ bà con gì), đến hạn không có khả năng thanh toán. Biết được bị cáo A khó khăn về kinh tế nên ông A1 hứa cho bị cáo A mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang đi thế chấp tại các Ngân hàng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh để bị cáo A có được tiền trả nợ (ông A1 tự nguyện giúp bà A, không thu lợi). Sau đó, ông A1 photo giấy chứng minh nhân dân của mình và vợ ông A1 là bà Nguyễn Thị Ổ, sổ hộ khẩu gia đình cùng bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 400693 được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 11/5/2010 đối với thửa đất số thửa 95, tờ bản đồ số 10, diện tích 574,7m² tọa lạc K, thị trấn C, huyện C do ông A1 và bà Ổ đại diện hộ đứng tên chuẩn bị để làm thủ tục vay vốn. Ông A1 không có túi đựng giấy tờ cá nhân và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông A1 giao tất cả giấy tờ cho bị cáo A cất giữ; bị cáo A điều khiển xe mô tô chở ông A1 đến các Ngân hàng tại thành phố T, tỉnh Trà Vinh, do bà Ổ không trực tiếp đi cùng để ký tên vào hợp đồng vay vốn (bà Ổ bị bệnh tai biến không đi lại được) Ngân hàng không thực hiện cho ông A1 vay tiền nên cả hai cùng đi về. Khi về đến thị trấn C, huyện C ông A1 quên nhận lại các giấy tờ đã giao cho bị cáo A trước đó nên bị cáo A cất giữ và không mang trả lại cho ông A1. Khoảng 15 ngày sau, ông A1 nhớ lại các giấy tờ bị cáo A vẫn còn cất giữ (giấy chứng minh nhân dân của ông A1 và bà Ổ, sổ hộ khẩu gia đình cùng bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số thửa 95, tờ bản đồ số 10, diện tích 574,7m²), ông A1 kêu con ruột là Thạch Thanh B đến nhà bị cáo A để nhận lại tất cả giấy tờ mà bị cáo A đã cất giữ thì không gặp được bị cáo A. Sau đó, bị cáo A một mình đến nhà ông A1 đưa cho bà Ổ bản sao sổ hộ khẩu gia đình cùng giấy chứng minh nhân dân của ông A1 và bà Ổ. Riêng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 10, diện tích 574,7m² tọa lại Khóm F, thị trấn C, huyện C bị cáo A không trả mà tiếp tục cất giữ. Đến ngày 09/5/2023 ông A1 và bà Ổ được Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè thông báo thụ lý vụ việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có liên quan đến thửa đất số 95, tờ bản đồ số 10, diện tích 574,7m² thì ông A1 mới biết bị cáo A đã tự ý lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình mang đi thế chấp và thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất cho người khác để chiếm đoạt tiền. Quá trình thụ lý đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H khởi kiện đối với bị cáo A thì Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xác định hành vi của bị cáo Thạch Thị A có dấu hiệu của tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên có công văn chuyển đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C xem xét, xử lý hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo A theo quy định của pháp luật.

Sau khi tiếp nhận kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tiến hành điều tra, xác minh xác định. Khoảng tháng 6/2022 ông Nguyễn Văn H gặp và quen biết bị cáo Thạch Thị A. Do không có tiền để điều trị bệnh cho con ruột tên Kiên Thị Rắc S1 (bị bệnh suy thận, sống cùng nhà với bị cáo A), nên bị cáo A đã bàn bạc với bị cáo Đ nhiều lần đưa ra thông tin không có thật, cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 400693 được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 11/5/2010 đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 10, diện tích 574,7m² tọa lạc K, thị trấn C, huyện C do ông Thạch A1 và bà Nguyễn Thị Ổ đứng tên là của cha, mẹ ruột bị cáo A và đã cho bị cáo An sở H2. Đồng thời để tạo sự tin tưởng tuyệt đối và chiếm đoạt tiền của ông H, bị cáo A đã trực tiếp đưa ông H đến xem thửa đất thuộc sở hữu của ông A1 và bà Ổ, khi ông H tin những gì bị cáo A cung cấp là thật, ngày 01/7/2022 bị cáo A một mình đến nhà ông Nguyễn Văn H tại ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) không tính lãi suất, bị cáo A sử dụng bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 400693 được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 11/5/2010 đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 10, diện tích 574,7m² tọa lạc K, thị trấn C, huyện C do ông Thạch A1 và bà Nguyễn Thị Ổ đứng tên để thế chấp cho ông H, thì được ông H đồng ý. Bị cáo An tự viết giấy hợp đồng vay tiền và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó ông H giao cho bị cáo A nhận đủ số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

- Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng 4 đến 5 ngày, tháng 7/2022 (ngày nào không xác định) thì bị cáo A điện thoại cho ông H thông tin đang nuôi con tên Kiên Thị Rắc S1 nằm điều trị tại Bệnh viện C - Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu ông H cho vay thêm số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) mua thuốc cho con bị cáo uống để không phải thay thận. Ông H không đồng ý cho bị cáo A vay tiền mà yêu cầu bị cáo A chuyển nhượng thửa đất của cha, mẹ ruột bị cáo A đứng tên như bị cáo A đã thông tin, cụ thể thửa đất số 95, tờ bản đồ số 10, diện tích 574,7m² tọa lạc K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Bị cáo A thống nhất chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho ông H và đưa ra giá chuyển nhượng

thửa đất với số tiền 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) thì được ông H chấp thuận. Sau đó, ông H mang tiền đến nhà bị cáo A tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh gặp được bị cáo A và người đàn ông cùng người phụ nữ đã lớn tuổi (ông Thạch S, sinh năm 1950 và bà Thạch Thị Tha K, sinh năm 1952), bị cáo A giới thiệu người đàn ông là cha ruột tên Thạch A1 còn người phụ nữ là mẹ ruột tên Nguyễn Thị Ổ. Trước khi giao tiền, bị cáo A thống nhất chuyển nhượng thửa đất số 95, tờ bản đồ số 10, diện tích 574,7m² tọa lạc khóm F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho ông H, thỏa thuận đến ngày 01/8/2022 thì bị cáo A sẽ làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất để ông H đứng tên sở hữu. Khi làm giấy tờ xong, bị cáo A và cha, mẹ bị cáo A ký tên và lấn tay điểm chỉ vào biên nhận (bị cáo A yêu cầu ông Thạch S ký tên ông Thạch A1, còn bà Thạch Thị Tha K ký tên bà Nguyễn Thị Ổ), rồi ông H đưa số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho bị cáo A cất giữ.

- Lần thứ ba: Vào ngày 14/7/2022 bị cáo A đến nhà ông H tại ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long tiếp tục yêu cầu ông H đưa thêm tiền để điều trị bệnh cho con, ông H chấp nhận đưa cho bị cáo A nhận thêm số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) là tiền đặt cọc bị cáo A thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất cho ông H. Sau đó, ông H giao cho bị cáo A số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), còn lại 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) ông H sử dụng tài khoản ngân hàng số 7305205251044 của ông H được đăng ký tại Ngân hàng N chi nhánh huyện T, tỉnh Vĩnh Long chuyển vào tài khoản ngân hàng số 7403205045629 do bị cáo A đứng tên được đăng ký tại Ngân hàng N, chi nhánh huyện C. Nhận tiền xong, bị cáo A tự ghi, ký tên và lấn tay xác nhận vào biên nhận giấy đặt cọc tiền thể hiện nhận của ông H số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

- Lần thứ tư: Vào ngày 27/7/2022 bị cáo A điện thoại cho ông H yêu cầu được nhận số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) là tiền đặt cọc chuyển nhượng thửa đất cho ông H, thì được ông H chấp thuận. Sau đó, bị cáo A liên hệ cho chồng là bị cáo Kiên Đ đến nhà của bà Bùi Thị T1, sinh năm 1975 cư trú ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (bà T1 là bạn của ông H) để gặp ông H nhận tiền, khi gặp nhau ông H đã giao cho bị cáo Kiên Đ số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Khi nhận tiền xong, ông H viết nội dung bị cáo Kiên Đ có nhận tiền đặt cọc bị cáo A chuyển nhượng thửa đất cho ông H, bị cáo Kiên Đ được nghe ông H thông qua biên bản đồng ý ký tên và lấn tay điểm chỉ vào giấy biên nhận đặt cọc.

- Lần thứ năm: Vào ngày 08/8/2022 bị cáo A đưa ra thông tin cần tiền mua thuốc cho con uống, yêu cầu ông H đưa thêm tiền đặt cọc mua đất số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), ông H tiếp tục yêu cầu bị cáo A chuyển nhượng thửa đất thì bị cáo A hứa sẽ thực hiện, bị cáo A cho biết là đang nuôi con ở bệnh viện nên không về được, yêu cầu ông H đến nhà bị cáo A để giao tiền cho chồng bị cáo A là bị cáo Kiên Đ. Sau đó, ông H đến nhà bị cáo A và giao tiền cho bị cáo Kiên Đ số tiền 25.500.000đ (hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền còn lại 24.500.000đ (hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) ông H chuyển vào tài khoản ngân hàng của bị cáo A. Sau khi nhận tiền xong, bị cáo Kiên Đ cùng ông Thạch S và bà Thạch Thị Tha K ký tên và lấn tay

xác nhận vào giấy nhận đặt cọc tiền do ông H cung cấp, trong đó bị cáo Kiên Đ yêu cầu ông Thạch S ký tên là Thạch A1, còn bà Thạch Thị Tha K ký tên là Nguyễn Thị Ổ.

- Lần thứ sáu: Ngày 31/8/2022 tại quán cà phê của bà Lê Thị H3, sinh năm 1959 thuộc ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo A yêu cầu ông H đưa thêm tiền đặt cọc chuyển nhượng đất là 10.000.000đ (mười triệu đồng), bị cáo A thông tin cho ông H biết là cần tiền lọc máu cho con, ông H tiếp tục yêu cầu bị cáo A thực hiện chuyển nhượng thửa đất vì đã quá thời hạn thỏa thuận đã ghi trong giấy thì bị cáo A hứa sẽ thực hiện chuyển nhượng thửa đất cho ông H. Sau đó, ông H giao cho bị cáo A số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) và chuyển số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) vào tài khoản ngân hàng của bị cáo A.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Kiên Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Thạch Thị A thừa nhận có nhận của ông H tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhiều lần tổng cộng số tiền nhận là 210.000.000 đồng việc bị cáo A mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp và thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất cho ông H được sự đồng ý của ông Thạch A1.

Đối với ông Thạch S và bà Thạch Thị Tha K không được bị cáo Thạch Thị A và bị cáo Kiên Đ bàn bạc, trao đổi để cùng đưa ra thông tin gian dối chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Văn H. Việc ông S và bà Tha K ký tên không đúng với tên mình là do bị cáo A và bị cáo Đ yêu cầu, vì ông S và bà Tha K suy nghĩ chỉ ký tên để bị cáo A và bị cáo Đ được mượn tiền của người khác (đồng thời bị cáo A thông tin cho ông S và bà Tha K là ông A1 cùng bà Ổ đã cho phép ký tên thay), nên ông S và bà Tha K thực hiện theo chỉ dẫn, ông S, bà Tha K không hưởng lợi từ việc số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt cũng như ý thức của ông S, bà Tha K không biết bị cáo A và bị cáo Đ có hành vi gian dối để lừa đảo, chiếm đoạt tiền của ông H. Từ những tài liệu, chứng cứ thu thập được không có căn cứ để xử lý ông S và bà Tha K về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2024/HSST ngày 07/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã quyết định.

Tuyên bố bị cáo Thạch Thị A và bị cáo Kiên Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Thạch Thị A 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/12/2023.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Kiên Đ 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/11/2024 bị hại Nguyễn Văn H làm đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại đưa ông Thạch S và bà Thạch Thị Tha K là người đồng phạm trong vụ án, để buộc ông S và bà K liên đới bồi thường số tiền cho ông bị chiếm đoạt.

Ngày 20/11/2024 bị cáo Kiên Đ kháng cáo yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21/11/2024 bị cáo Thạch A kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bị cáo không phạm tội.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Kiên Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nhận định. Đối với bị cáo Thạch Thị A không thừa nhận hành vi phạm, bị cáo thừa nhận bị cáo có nhận số tiền 210.000.000 đồng của ông H, tiền này là tiền cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tiền đặt cọc. Hai bị cáo và ông Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông H có cung cấp tài liệu, tuy nhiên tài liệu này ông H đã cung cấp tại cơ quan điều tra, vì vậy tại phiên tòa hôm nay hai bị cáo và ông Nguyễn Văn H không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới tại phiên tòa phúc thẩm.

- *Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:* Sau khi xem xét toàn diện nội dung vụ án, lời trình bày của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy trong quá trình điều tra truy tố xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá khách quan phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, từ đó xét xử bị cáo Kiên Đ về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm d khoản 2, Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ không oan, không sai. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và xử phạt bị cáo Kiên Đ 07 năm tù là khởi điểm của khung hình phạt, tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo cũng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới và bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự không có căn cứ để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Thạch Thị A không thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên qua quá trình điều tra truy tố xét xử tại tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, lời trình bày của bị cáo thừa nhận có nhận số tiền 210.000.000 đồng của bị hại và bị cáo đã đưa ra những thông tin gián dối là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của cha mẹ bị cáo cho bị cáo, bị cáo giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người bị hại để bị hại tin, vì vậy lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa hôm nay không phù hợp với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Thạch Thị A về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm d khoản 2, Điều 174 Bộ luật Hình sự là không oan, không sai đúng quy định pháp luật.

Đối với bị hại kháng cáo cần làm sáng tỏ các tình tiết khách quan của vụ

án ông Thạch S và bà Thạch Thị Tha K là người đồng phạm trong vụ án, xét thấy trong quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm việc ông H đưa số tiền 210.000.000 đồng cho người nhận là bị cáo Kiên Đ và bị cáo Thạch Thị A, riêng biên nhận ông S và bà Tha K có ký nhưng hoàn toàn không biết ký nội dung gì và không có sử dụng số tiền này, vì vậy không có đủ căn cứ ông Thạch S và bà Thạch Thị Tha K là đồng phạm với bị cáo Kiên Đ và bị cáo Thạch Thị A.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Kiên Đ, bị cáo Thạch Thị A, bị hại ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Lời nói sau cùng của bị cáo Kiên Đ: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bởi vì hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình phải nuôi con và cha mẹ già.

Lời nói sau cùng của bị cáo Thạch Thị A: Bị cáo không phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo và bị hại là còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Thạch Thị An Hội Đ1 xét xử xét thấy: Quá trình điều tra, truy tố, phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo A thừa nhận có nhận tiền của ông Nguyễn Văn H 06 lần bằng 210.000.000 đồng và có làm giấy biên nhận cầm cố và làm giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đồng thời kêu cha mẹ ruột của bị cáo là ông Thạch S và bà Thạch Thị Tha K ký tên với tư cách là ông Thạch A1 và bà Nguyễn Thị Ổ vào giấy cầm cố và giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất để cho ông H tin tưởng và giao tiền cho bị cáo để chiếm đoạt tiền của ông H. Bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc làm của bị cáo là có hành vi gian dối nhưng bị cáo cho rằng việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H là được sự đồng ý của ông A1 và bà Ổ, cho nên bị cáo không phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xét lời khai của bị cáo là không có căn cứ, bởi qua biên bản đối chất giữa bị cáo và ông A1, ông A1 cho rằng vợ chồng ông hoàn toàn không hề hay biết việc bị cáo cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H và sao đó làm thủ tục chuyển nhượng cho ông H và lời khai của bị cáo Kiên Đ bút lục 144, 145, 151 bị cáo Kiên Đ khai “ Vào năm 2022 vợ tôi và ông H quen nhau lúc này con gái tôi Kiên Thị Rắc S1 bị bệnh phải đi điều trị nhiều nơi, tốn rất nhiều tiền. Khi vợ đưa con gái đến Bệnh Viện chờ rầy tại thành phố Hồ Chí Minh thì thông báo con gái bị suy thận nặng cần 60.000.000 đồng lo chữa trị, vợ điện thoại về nói rằng hiện tại người thân không còn ai cho mình mượn tiền và trao đổi với tôi lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông A1, bà Ổ mà vợ tôi đang cất giữ để thế cho

ông H để có tiền lo điều trị cho con, khi nào có tiền thì sẽ trả lại cho ông H, tôi nói vậy là vi phạm pháp luật như, do không có tiền trị bệnh cho con nên vợ tôi nói không còn cách nào khác, tôi biết vậy là sai không còn cách nào khác nên đồng ý theo cách làm của vợ ”. Tại bút lục 153 bị cáo Đ khai “ Khi vợ tôi yêu cầu nhận tiền tại nhà của tôi do ông H mang đến, ông H yêu cầu tôi cùng cha mẹ vợ ký tên vào giấy đặt cọc tên Thạch A1 và bà Nguyễn Thị Ổ, tôi không có nói tên thật của cha mẹ vợ tôi cho ông H biết.... ”. Mặc dù tại phiên tòa hôm nay bị cáo Thạch Thị A không thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên với lời khai của bị cáo Kiên Đ và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết tội, bị cáo Thạch Thị A về hành vi phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Thạch Thị A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng quy định của pháp luật không oan, không sai. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thạch Thị A.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Kiên Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Do cần tiền điều trị bệnh cho con nên bị cáo Thạch Thị A có bàn bạc với bị cáo Kiên Đ lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông A1 mà bị cáo A đang giữ đi thế chấp cho ông H để lấy tiền trị bệnh cho con, sau đó hai bị cáo bàn bạc là chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H 100.000.000 đồng, bị cáo Đ nhận thức được việc làm như vậy là vi phạm pháp luật nhưng do đang rất cần tiền nên cũng đồng ý làm theo cách của bị cáo A. Bị cáo biết rằng làm như vậy là sai, là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền lo cho con nên chấp nhận thực hiện hành vi vi phạm, lời khai của bị cáo Kiên Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm cho bị cáo và xử phạt 07 năm tù là khởi điểm của khung hình phạt, tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo cũng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới và bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không có căn cứ để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Đối với kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông S và bà K thực hiện việc ký tên thay cho ông A1, bà Ổ là theo sự chỉ dẫn của của bị cáo A với nhận thức ký tên cho các bị cáo mượn được tiền để trị bệnh cho cháu ngoại và khi đó cũng được bị cáo A cung cấp thông tin là được sự đồng ý của ông A1, bà Ổ đồng ý việc ông S, bà K ký tên thay; bản thân ông S và bà K cũng không có thương lượng về việc thế chấp quyền sử dụng đất và cũng không có hưởng lợi về số tiền 210.000.000 đồng. quá trình điều tra cũng xét xử sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Kiên Đ, Thạch Thị A thừa nhận số tiền 210.000.000 đồng là hai bị cáo sử dụng vào sinh hoạt cá nhân cho gia đình và điều trị cho con hai bị cáo không liên quan đến ông S và bà kê. Từ đó, cho thấy hành vi của ông S và bà K không đủ căn cứ là đồng phạm trong vụ án để xử lý hình sự và không có nghĩa vụ liên đới trong việc bồi thường số tiền 210.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Văn H.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Thạch Thị A, bị cáo Kiên Đ và bị hại Nguyễn Văn H. Giữ nguyên án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè.

[5] Đề nghị của Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, phù hợp quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Thạch Thị A, bị cáo Kiên Đ không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Thạch Thị A, Kiên Đ và bị hại ông Nguyễn Văn H.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2024/HS-ST, ngày 07/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè.

Tuyên bố bị cáo Thạch Thị A, bị cáo Kiên Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Thạch Thị A 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/12/2023.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Kiên Đ 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 13, khoản 1 Điều 584, 585, 586, 588, 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Thạch Thị A, bị cáo Kiên Đ bồi thường cho ông Nguyễn Văn H số tiền 210.000.000 đồng (*Hai trăm mười triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ tố tụng hình sự; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Thạch Thị A, bị cáo Kiên Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Trại tạm giam CA tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Cầu Kè;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Trà Vinh;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mến